

Số: 110/2025/QĐST-HNGĐ

TP H, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 133/TLST – HN ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Viết T, sinh năm 1982;

- Bà Tạ Thị H, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: A chung cư H, C L, phường T, Khu V, Thành phố Hồ Chí Minh nay là A216 chung cư H, C L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Người yêu cầu cư trú tại Khu vực 6 có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, căn cứ Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Viết T1 và bà Tạ Thị H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2016 đăng ký ngày 11/10/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống ông Phạm Viết T và bà Tạ Thị H có phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông Phạm Viết T và bà Thị H thật sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông, bà xác nhận có 02 con chung là Phạm Viết H1 (nam) sinh ngày 15/9/2017 và Phạm Viết T2 (nam) sinh ngày 29/9/2023, sau khi ly hôn ông và thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Ông Phạm Viết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung họ và tên Phạm Viết H1 (nam) sinh ngày 15/9/2017. Bà Tạ Thị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Bà Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung họ và tên Phạm Viết T2 (nam) sinh ngày 29/9/2023. Ông Phạm Viết T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Viết T và bà Tạ Thị H xác nhận thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2016 đăng ký ngày 11/10/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Có 02 con chung Phạm Viết H1 (nam) sinh ngày 15/9/2017 và Phạm Viết T2 (nam) sinh ngày 29/9/2023. Sau khi ly hôn các ông Phạm Viết T và bà Tạ Thị H thống nhất thỏa thuận:

Giao con chung họ tên là Phạm Viết H1 (nam) sinh ngày 15/9/2017 cho ông Phạm Viết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, bà Tạ Thị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Giao con chung họ tên là Phạm Viết T2 (nam) sinh ngày 29/9/2023 cho bà Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông Phạm Viết T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Viết T và bà Tạ Thị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con..

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

1.5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0037422 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc San H2